

VỀ VẤN ĐỀ RÚT YÊU CẦU CỦA ĐƯƠNG SỰ TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

NGUYỄN THỊ THU HÀ*

Tóm tắt: Bài viết phân tích, luận giải các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 về việc rút yêu cầu của đương sự trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, chỉ ra các hạn chế, vướng mắc trong các quy định về vấn đề này; từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự về rút yêu cầu của đương sự.

Từ khóa: Tố tụng dân sự, đương sự, rút yêu cầu

Ngày nhận bài: 22/11/2023; Biên tập xong: 25/11/2023; Duyệt đăng: 29/12/2023

ON THE ISSUE OF WITHDRAWAL OF LITIGANTS' REQUESTS IN CIVIL CASES

Abstract: This article analyzes and explains the provisions of the 2015 Civil Procedure Code on withdrawing a litigant's request during the Court's resolution of civil cases according to first instance and appellate procedures and points out limitations and problems in the regulations on this issue. On that basis, it makes recommendations to improve the civil procedure law on withdrawing litigants' requests.

Keywords: civil procedure, litigant, withdraw request

Received: Nov 22nd, 2023; **Editing completed:** Nov 25th, 2023; **Accepted for publication:** Dec 29th, 2023

Rút yêu cầu của đương sự là một trong các quyền tự định đoạt của đương sự. Về nguyên tắc, đương sự có quyền rút yêu cầu ở các giai đoạn của quá trình tố tụng. Tuy nhiên, quyền rút yêu cầu của đương sự có bị giới hạn không? Tòa án ra quyết định gì khi đương sự rút yêu cầu là những vấn đề còn có nhiều quan điểm khác nhau.

1. Rút yêu cầu của đương sự ở giai đoạn sơ thẩm

Theo quy định của BLTTDS năm 2015, việc rút yêu cầu của đương sự có thể thực hiện ở ba thời điểm: Trước khi Tòa án thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm. Tùy vào việc đương sự rút yêu cầu ở thời điểm nào mà Tòa án ra quyết định cho

phù hợp. Nếu người khởi kiện rút đơn khởi kiện trước khi thụ lý thì Tòa án sẽ trả lại đơn khởi kiện theo điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS năm 2015. Nếu người khởi kiện rút đơn khởi kiện ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm thì Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015. Nếu đương sự rút yêu cầu ở tại phiên tòa sơ thẩm thì Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015.

Riêng đối với trường hợp người khởi kiện rút đơn khởi kiện ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm thì khi ra quyết định, Tòa

* Email: Nthuha2803@gmail.com

Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội

án cần xem xét trong vụ án đó có yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không? Nếu có thì việc đình chỉ giải quyết vụ án cần kết hợp với khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015, hướng dẫn cụ thể tại mục 7 phần VI Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 để thực hiện¹.

Tuy nhiên, việc rút yêu cầu của đương sự ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm có những vướng mắc, bất cập sau:

Thứ nhất, nếu nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện mà bị đơn lại rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố hoặc người liên quan rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu độc lập thì Tòa án ra quyết định gì? Trường hợp này không thể áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015 và hướng dẫn tại Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC vì các quy định này áp dụng

trong trường hợp khi nguyên đơn rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Còn đây là trường hợp nguyên đơn không rút yêu cầu mà chỉ có bị đơn rút yêu cầu hoặc người liên quan rút yêu cầu độc lập. Về bản chất, dù đương sự là nguyên đơn, bị đơn hay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khi đưa ra yêu cầu thì đều có quyền rút lại yêu cầu của mình và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút. Tuy nhiên, căn cứ pháp lý thì lại chưa được quy định. Để khắc phục thiếu sót này, tại mục 8 phần IV Công văn số 02/ TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn: *“Trường hợp nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan rút một phần yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập thì Tòa án đình chỉ giải quyết phần yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đã rút, tiền tạm ứng án phí không được trả lại cho đương sự. Việc đình chỉ và xử lý tiền tạm ứng án phí sẽ được Hội đồng xét xử nhận định và quyết định trong bản án”*. Điều này là chưa tạo điều kiện cho đương sự rút yêu cầu, bởi đương sự không muốn tham gia tố tụng nữa và đã rút yêu cầu của mình ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm nhưng vẫn phải tham gia phiên tòa và phải chờ đến khi Tòa án mở phiên tòa mới có bản án ghi nhận việc đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút. Điều này là không cần thiết, chỉ làm cho thủ tục tố tụng thêm rườm rà, phức tạp; trong khi yêu cầu đặt ra của nền tư pháp Việt Nam hiện đại được nhận định trong Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới là: *“bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp*

¹ + Nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập hoặc nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ yêu cầu độc lập thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

+ Nguyên đơn rút một phần yêu cầu thì tòa án không ra quyết định đình chỉ riêng mà phải nhận xét trong phần nhận định của tòa án trong bản án và quyết định đình chỉ một phần yêu cầu trong phần quyết định của bản án.

+ Nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nhưng bị đơn không rút hoặc chỉ rút một phần yêu cầu phản tố thì tòa án ra quyết định đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trong quyết định đó phải thể hiện rõ việc thay đổi địa vị tố tụng: bị đơn trở thành nguyên đơn, nguyên đơn trở thành bị đơn

+ Nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút hoặc chỉ rút một phần yêu cầu độc lập thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trở thành nguyên đơn, người nào bị kiện theo yêu cầu độc lập trở thành bị đơn.

quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân...". Do đó, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015 cần quy định lại nhằm bao hàm hết tất cả các trường hợp đương sự rút yêu cầu. Nếu việc rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Tòa án chấp nhận và ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút hoặc quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Thứ hai, nếu nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn rút yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập thì giải quyết như thế nào? Vấn đề này có những quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự và đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đã rút của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự².

Quan điểm thứ hai cho rằng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử và ban hành bản án, trong bản án vừa ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, vừa đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đã rút của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan³.

Quan điểm thứ ba cho rằng, đối với phần các đương sự thỏa thuận được thì ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, còn phần đương sự rút yêu cầu

thì ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút.

Nếu đình chỉ yêu cầu đã rút trong quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự như quan điểm thứ nhất thì không phù hợp với bản chất của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đã mặc nhiên tước đi quyền kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm của đương sự, của Viện kiểm sát đối với phần quyết định về đình chỉ giải quyết yêu cầu. Hơn nữa, theo Điều 212 BLTTDS năm 2015, Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng trong trường hợp này các bên không hoàn toàn thỏa thuận được về tất cả các vấn đề có tranh chấp.

Theo quan điểm thứ hai, việc mở phiên tòa và ra bản án đảm bảo quyền kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm của đương sự, Viện kiểm sát đối với phần quyết định về đình chỉ giải quyết yêu cầu lại thực sự không cần thiết. Khi các đương sự thỏa thuận được với nhau và rút yêu cầu thì về bản chất vụ án đã được giải quyết và đối tượng xét xử không còn và vụ án cần được chấm dứt ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Việc mở phiên tòa sơ thẩm làm tốn thời gian, công sức của Hội đồng xét xử và các đương sự.

Quan điểm thứ ba khắc phục được những vướng mắc trong hai quan điểm trên nhưng lại mâu thuẫn với khoản 3 Điều 203 BLTTDS năm 2015. Đó là, một vụ án lại có hai quyết định: quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút. Trong khi theo khoản 3 Điều 203 BLTTDS năm 2015, đối với một vụ án thì trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ

² Trường Đại học Luật Hà Nội, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: "Hoà giải các tranh chấp dân sự - Thực trạng và giải pháp", Hội thảo cấp khoa, Hà Nội ngày 23/10/2023, tr. 102.

³ Trường Đại học Luật Hà Nội, Tlđd, tr. 102.

thẩm, Tòa án chỉ ra một trong các quyết định: Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trên thực tế, trong trường hợp này, để không phải mở phiên tòa, đảm bảo quyền kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với phần quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút, cũng như phù hợp với khoản 3 Điều 203 BLTTDS năm 2015 thì Tòa án tách vụ án để ra các quyết định khác nhau.

Thiết nghĩ, để thuận lợi cho việc giải quyết vụ án, giảm bớt các thủ tục rườm rà, nhanh chóng giải quyết vụ án dân sự thì không nên cứng nhắc là trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Một vụ án chỉ được ra một quyết định mà chỉ cần có căn cứ theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu, quyết định công nhận sự thoả thuận của đương sự hoặc quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, khoản 3 Điều 203 BLTTDS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung lại cho phù hợp.

2. Rút yêu cầu của đương sự ở giai đoạn phúc thẩm

Theo Điều 299 BLTTDS năm 2015, trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi ý kiến của bị đơn có đồng ý hay không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Nếu bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, quy định này

hiện nay còn có nhiều vấn đề cần nghiên cứu, xem xét.

Thứ nhất, việc BLTTDS năm 2015 quy định việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn phải hỏi ý kiến của bị đơn là để nhằm “tránh những trường hợp đương sự lạm dụng việc thực hiện quyền này gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ việc dân sự và gây khó khăn cho các đương sự khác trong việc tham gia tố tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ”⁴. Tuy nhiên, khi bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Như vậy, vụ án có người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập hoặc bị đơn có yêu cầu phản tố thì khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện có cần phải hỏi ý kiến của bị đơn có yêu cầu phản tố hoặc người liên quan có yêu cầu độc lập không? Vấn đề này cũng có nhiều quan điểm khác nhau.

Ví dụ: Anh A khởi kiện chị B ra Tòa án yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung giữa vợ chồng (có sổ tiết kiệm 2 tỷ đồng). C yêu cầu vợ chồng anh A và chị B trả khoản nợ là 500 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đã quyết định cho anh A và chị B ly hôn, buộc anh A và chị B trả nợ cho C là 500 triệu đồng, còn lại chia cho mỗi người 750 triệu đồng. Sau đó, anh A kháng cáo về phần chia tài sản chung giữa A và B, cho rằng công sức đóng góp tạo ra tài sản chung chủ yếu là của anh, nên anh không đồng ý với phần bản án sơ thẩm chia cho anh A và chị B mỗi người 750 triệu. Sau đó, tại phiên tòa phúc thẩm, anh A rút đơn khởi kiện và chị B đồng ý. Về cách giải quyết của

⁴ Nguyễn Công Bình (2006), *Bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 100.

Toà án cấp phúc thẩm trong vụ án này có nhiều quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất: Toà án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 299 BLTTDS năm 2015 ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, khoản nợ của C sẽ được Toà án cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết thành vụ án dân sự độc lập nếu có yêu cầu.

Quan điểm thứ hai: Toà án cấp phúc thẩm chỉ có thể huỷ phần bản án sơ thẩm về ly hôn và chia tài sản chung giữa A và B, còn phần khoản nợ của C không có kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật.

Đây là trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm nên phải áp dụng Điều 299 BLTTDS năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, vấn đề cần bàn luận ở đây là trong vụ án này còn có yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (yêu cầu đòi nợ của C). Khoản nợ này đã được giải quyết bằng bản án sơ thẩm và không có đương sự nào kháng cáo về phần khoản nợ. Như vậy, về nguyên tắc, phần bản án sơ thẩm về khoản nợ không bị kháng cáo sẽ có hiệu lực pháp luật. Nhưng khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện ở phúc thẩm thì theo Điều 299 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử không cần phải hỏi xem những người có yêu cầu độc lập có giữ nguyên yêu cầu độc lập của mình hay không mà chỉ cần hỏi bị đơn và khi bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, tức là hủy cả phần bản án sơ thẩm về khoản nợ đã có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu đòi nợ phải được các chủ nợ một lần nữa khởi kiện bằng một vụ án dân sự độc lập khác. Điều này thực sự là không cần thiết và làm kéo dài quá trình tố tụng khi mà quyết định giải quyết lại sẽ không có gì thay đổi so với bản án sơ thẩm trước đây.

Có thể thấy, rút yêu cầu là một trong các quyền tự định đoạt của đương sự nên ở bất kì thời điểm nào của quá trình tố tụng đương sự đều có quyền rút yêu cầu của mình. Khi việc rút yêu cầu của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Toà án sẽ chấp nhận việc rút yêu cầu của các đương sự. Vì vậy, ở phúc thẩm đương sự có quyền rút yêu cầu. Tuy nhiên, việc rút yêu cầu của đương sự chỉ được chấp nhận nếu được sự đồng ý của các đương sự khác bởi khi đương sự đưa ra yêu cầu Toà án giải quyết một hay nhiều quan hệ pháp luật thì đương sự phía bên kia phải bỏ thời gian, công sức và các chi phí cho việc theo kiện ở tại Toà án, cũng như họ muốn giải quyết dứt điểm quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự, xác định cụ thể quyền và nghĩa vụ của mình để họ thực hiện cho xong nghĩa vụ. Ở đây, cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa việc thực hiện quyền tự định đoạt của các đương sự với việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác, bảo đảm cho các đương sự bình đẳng với nhau trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Vấn đề này cũng đã được quy định trong pháp luật tố tụng dân sự một số nước. Chẳng hạn, Điều 395 BLTTDS Pháp quy định “Việc rút đơn khởi kiện chỉ được coi là hoàn thành khi có sự chấp thuận của bị đơn. Tuy nhiên, sự chấp thuận là không cần thiết khi bị đơn chưa thực hiện việc bào chữa về nội dung tranh chấp hoặc về yêu cầu bác đơn khởi kiện tại thời điểm nguyên đơn rút đơn khởi kiện”⁵. Hoặc Điều 261 BLTTDS Nhật Bản cũng quy định “Việc rút lại đơn khởi kiện sau khi bên kia đã nộp bản tóm tắt liên quan đến nội

⁵ Bộ luật Tố tụng dân sự Cộng hoà Pháp (1998), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

dung vụ kiện, đã đưa ra tuyên bố trong thủ tục chuẩn bị hoặc đã tiến hành việc tranh luận bằng miệng về nội dung sẽ không có hiệu lực trừ khi có sự đồng ý của phía bên kia; tuy nhiên, với điều kiện là điều này không áp dụng cho việc rút đơn phản tố nếu hành động chính được rút lại”⁶.

Do đó, BLTTDS năm 2015 cần quy định việc đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện ở phúc thẩm phải có điều kiện là việc rút đơn khởi kiện phải được sự đồng ý của các đương sự khác.

Thứ hai, BLTTDS năm 2015 mới chỉ đề cập đến việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn mà chưa có quy định về việc bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút lại yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của mình hoặc nguyên đơn chỉ rút lại một phần yêu cầu của mình ở phúc thẩm.

Theo nguyên tắc quyền tự định đoạt cũng như đảm bảo quyền bình đẳng về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự thì BLTTDS năm 2015 nên ghi nhận quyền rút yêu cầu phản tố của bị đơn và quyền rút yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Theo đó, nếu việc rút yêu cầu này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được các đương sự khác đồng ý thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

Trên thực tế, đã có những vụ án mà bị đơn rút yêu cầu phản tố ở phúc thẩm và Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố đã rút của bị đơn và hủy

phần bản án sơ thẩm giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn⁷.

Thứ ba, việc rút yêu cầu của đương sự ở phúc thẩm có bị giới hạn bởi kháng cáo của đương sự khác hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát không?

Ví dụ: Chị A khởi kiện anh B ra Tòa án yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung giữa vợ và chồng (giá trị tài sản chung là 700 triệu đồng). Sau khi Tòa án thụ lý thì C có yêu cầu A, B trả khoản nợ là 300 triệu đồng. Bản án sơ thẩm quyết định cho chị A và anh B được ly hôn, buộc A, B trả khoản nợ cho C là 200 triệu đồng, tài sản chung còn lại căn cứ vào công sức đóng góp của chị A và anh B Tòa án quyết định: chị A được 200 triệu đồng, anh B được 300 triệu đồng. Sau đó, C kháng cáo về phần bản án sơ thẩm giải quyết về khoản nợ, cho rằng Tòa án sơ thẩm chỉ buộc A, B trả 200 triệu đồng cho mình là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A rút đơn khởi kiện và được B đồng ý nhưng C vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình. Hội đồng xét xử phúc thẩm trong trường hợp này quyết định như thế nào? Về cách giải quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm trong vụ án này cũng có quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất: Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 299 BLTTDS năm 2015 ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Khoản nợ của C sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết thành vụ án dân sự độc lập nếu C có yêu cầu.

⁷ Xem Quyết định số 01/2019/QĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án thụ lý số 21/2017/TLPT-DS ngày 25/10/2017 về việc “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu” khi ở giai đoạn phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn rút yêu cầu phản tố và bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn đồng ý với việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn.

⁶ Bộ luật Tố tụng dân sự Nhật Bản năm 2011, <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/2834/en>, truy cập ngày 3/11/2023.

Quan điểm thứ hai: Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ có thể huỷ phần ly hôn và phần chia tài sản chung giữa A và B, còn khoản nợ chung thì vì C có kháng cáo nên Toà án cấp phúc thẩm phải giải quyết kháng cáo của C.

Quan điểm thứ ba: Trong vụ án này chỉ có kháng cáo của C về khoản nợ nên phần bản án sơ thẩm về ly hôn và chia tài sản chung giữa A và B có hiệu lực pháp luật nên A không thể rút đơn khởi kiện được.

Vấn đề này, trước đây Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “Thủ tục giải quyết vụ án tại Toà án cấp phúc thẩm” của BLTTDS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2015 có quy định: *“trường hợp đương sự có kháng cáo (bao gồm cả nguyên đơn) hoặc Viện kiểm sát có kháng nghị, nhưng trước khi mở phiên toà hoặc tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện, thì Toà án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 269 của BLTTDS năm 2015”*. Điều này có nghĩa là dù vụ án có kháng cáo hay kháng nghị nhưng nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện và được bị đơn đồng ý thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Quan điểm thứ nhất đi theo hướng này.

Tuy nhiên, quy định trong Nghị quyết và ý kiến thứ nhất dường như đang quá đề cao quyền rút đơn khởi kiện của nguyên đơn mà bỏ qua quyền kháng cáo của các đương sự khác, cũng như làm cho kháng nghị của Viện kiểm sát trở nên vô nghĩa. Ở đây, cần phải tôn trọng và bảo đảm quyền bình đẳng giữa tất cả các đương sự trong việc thực hiện quyền tự định đoạt

của mình, nếu không sẽ tạo điều kiện cho nguyên đơn lạm quyền rút đơn khởi kiện của mình.

Quan điểm thứ ba thì chưa thực sự tạo điều kiện cho đương sự thực hiện quyền tự định đoạt. Đúng là theo quy định tại Điều 282 BLTTDS năm 2015, phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên việc các bên giải quyết tiếp như thế nào sẽ được thực hiện ở giai đoạn thi hành án. Tuy nhiên, bản chất của quan hệ dân sự là sự tự do, tự nguyện, bình đẳng trong việc thỏa thuận thiết lập các quyền và nghĩa vụ của các bên nên pháp luật nên tạo điều kiện và tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự.

Do đó, quan điểm thứ hai là hợp lý hơn cả, vừa tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, vừa giải quyết dứt điểm vụ án. Điều này có nghĩa là việc rút yêu cầu của đương sự có thể bị giới hạn bởi kháng cáo của đương sự khác hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát. Theo đó, nếu vụ án có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm mà người kháng cáo, kháng nghị không đồng ý với việc rút yêu cầu và vẫn giữ nguyên kháng cáo, kháng nghị thì cần phải xét xử vụ án trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị đó. Phần bản án sơ thẩm mà đương sự rút yêu cầu và được các đương sự khác (liên quan đến phần bản án sơ thẩm đó) đồng ý thì Hội đồng xét xử sẽ huỷ phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút nếu phần bản án sơ thẩm đó không liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị. Còn nếu người kháng cáo, kháng nghị đồng ý với việc rút đơn khởi kiện và cũng rút kháng cáo, kháng nghị thì lúc này Hội đồng xét xử phúc

thẩm mới ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Thứ tư, tại phiên toà phúc thẩm mà nguyên đơn rút đơn khởi kiện nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm thì Hội đồng xét xử giải quyết như thế nào?

Về vấn đề này, hiện nay cũng có những quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất: Vụ án thụ lý phúc thẩm mà nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên toà, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt thì Hội đồng xét xử ngừng phiên toà để ra văn bản hỏi ý kiến bị đơn có đồng ý hay không là đúng quy định về trình tự pháp luật tố tụng và việc bị đơn vắng mặt không thể biết trước được diễn biến tại phiên toà về việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, nên chưa có thể có ý kiến được, việc hỏi ý kiến của bị đơn trong trường hợp này là hợp lý⁸.

Quan điểm thứ hai: Vụ án thụ lý phúc thẩm mà nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên toà, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục mà không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ, trường hợp này không thuộc vào trường hợp ngừng phiên toà để hỏi ý kiến bị đơn theo Điều 259 BLTTDS năm 2015⁹.

Quan điểm thứ ba: Vụ án thụ lý phúc thẩm mà nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên toà, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, do bị đơn không chấp

hành theo triệu tập Tòa án thì coi như tự ý từ bỏ quyền lợi của mình¹⁰.

Như đã phân tích ở trên, khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện ở phúc thẩm thì việc hỏi ý kiến của các đương sự khác là do các bên đã bỏ thời gian, công sức, tiền bạc cho việc theo kiện nên việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn ở phúc thẩm phải có giới hạn. Do đó, cho dù bị đơn vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm do có lý do chính đáng hay không có lý do chính đáng thì việc hỏi ý kiến của bị đơn là cần thiết. Không nên hiểu bị đơn vắng mặt không có lý do là bị đơn đã từ bỏ quyền lợi của mình như quan điểm thứ ba. Còn nếu hiểu như quan điểm thứ hai là bị đơn không có mặt tại phiên toà phúc thẩm được hiểu bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn là cứng nhắc, bởi bị đơn không biết là tại phiên toà nguyên đơn rút đơn khởi kiện để thể hiện quan điểm của mình.

Quan điểm thứ nhất dường như là hợp lý hơn nhưng Điều 259 BLTTDS năm 2015 lại không quy định trong trường hợp này được tạm ngừng phiên toà để hỏi ý kiến của bị đơn.

Thiết nghĩ, việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện không chỉ hỏi ý kiến của bị đơn mà cần phải hỏi ý kiến của các đương sự khác nên nếu có đương sự được hỏi ý kiến mà vắng mặt dù có hay không có lý do chính đáng thì cần phải tạm ngừng phiên toà để hỏi ý kiến của đương sự vắng mặt. Tuy nhiên, nếu đương sự được hỏi ý kiến mà không trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý trong thời hạn mà pháp luật quy định thì được hiểu là đương sự không đồng ý với việc rút yêu cầu và hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục mở lại phiên toà để giải quyết theo thủ tục

⁸ Lê Thị Thanh Xuân, *Bản về nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại cấp phúc thẩm theo khoản 1 Điều 299 BLTTDS năm 2015*, <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-nguyen-don-rut-don-khoi-kiem-tai-cap-phuc-tham-theo-khoan-1-dieu-299-bltds-nam-2015>, truy cập ngày 04/11/2023.

⁹ Lê Thị Thanh Xuân, *Tlđđ*, truy cập ngày 04/11/2023.

¹⁰ Lê Thị Thanh Xuân, *Tlđđ*, truy cập ngày 4/11/2023.

chung. Do đó, vấn đề này cần thiết phải bổ sung trong BLTTDS năm 2015.

3. Một số kiến nghị

Việc rút yêu cầu của đương sự là một trong các quyền tự định đoạt nhưng việc tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự phải đặt trong mối quan hệ với việc tôn trọng quyền của các đương sự khác cũng như đảm bảo quyền bình đẳng giữa các đương sự trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các đương sự. Do đó, pháp luật tố tụng dân sự cần có những sửa đổi, bổ sung cũng như có hướng dẫn cụ thể để các đương sự bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình và các Tòa án thống nhất áp dụng pháp luật, cụ thể:

Thứ nhất, về việc rút yêu cầu của đương sự ở giai đoạn sơ thẩm

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, các đương sự đều có quyền rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình. Nếu việc rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Tòa án chấp nhận và ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút hoặc quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Do đó, điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “Đương sự rút toàn bộ yêu cầu hoặc nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, trừ trường hợp họ đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan”.

Khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a. Trường hợp đương sự rút một phần yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật và không trái đạo đức xã hội thì tòa án chấp

nhận và ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút;

b. Trường hợp các đương sự rút toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu là tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật và không trái đạo đức xã hội thì tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án”.

Đồng thời, khoản 3 Điều 203 BLTTDS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung như sau: 3. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều này, tùy từng trường hợp, căn cứ vào quy định của pháp luật, Thẩm phán ra quyết định sau đây:

- a) Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;
- b) Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự;
- c) Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự;
- d) Đình chỉ giải quyết yêu cầu;
- e) Đưa vụ án ra xét xử.

Thứ hai, về việc rút yêu cầu của đương sự ở giai đoạn phúc thẩm

Ở giai đoạn phúc thẩm thì các đương sự đưa ra yêu cầu ở giai đoạn sơ thẩm (nguyên đơn khởi kiện, bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập) đều có quyền rút yêu cầu của mình. Việc rút yêu cầu của đương sự ở giai đoạn này đều phải hỏi ý kiến của các đương sự khác. Nếu đương sự được hỏi ý kiến vắng mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử cần tạm ngừng phiên tòa để hỏi ý kiến của đương sự vắng mặt.

Do đó, khoản 1 Điều 299 BLTTDS năm 2015 nên sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự có quyền rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu một cách tự

nguyên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm hỏi ý kiến của các đương sự khác và tùy từng trường hợp mà giải quyết như sau:

a. Các đương sự khác không đồng ý thì không chấp nhận việc rút yêu cầu của đương sự và giải quyết theo thủ tục chung.

b. Các đương sự khác đồng ý thì Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu của đương sự đồng thời ra bản án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút và hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm mà đương sự đã rút.

Trường hợp, đương sự được hỏi ý kiến vắng mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử phúc thẩm phải tạm ngừng phiên tòa để hỏi ý kiến đương sự và căn cứ vào điểm a, b mà giải quyết. Nếu đương sự được hỏi ý kiến mà không có văn bản trả lời trong thời hạn năm ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án thì coi như không đồng ý với việc rút yêu cầu của đương sự và Hội đồng xét xử tiếp tục mở phiên tòa và xét xử theo thủ tục chung.

Ngoài ra, trong trường hợp các đương sự được hỏi ý kiến mà không đồng ý với việc rút yêu cầu của đương sự thì cần phải xem xét vụ án đó có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hay không để quyết định, cụ thể:

- Nếu vụ án không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Nếu vụ án có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm mà người kháng cáo, kháng nghị không đồng ý với việc rút yêu cầu và vẫn giữ nguyên kháng cáo, kháng nghị thì cần phải xét xử vụ án trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị đó. Phần bản án sơ thẩm mà đương sự rút yêu cầu và được các đương sự

khác (liên quan đến phần bản án sơ thẩm đó) đồng ý thì Hội đồng xét xử sẽ hủy phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút nếu phần bản án sơ thẩm đó không liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Công Bình (2006), *Bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự trong tố tụng dân sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội;

2. Bộ luật Tố tụng dân sự Cộng hòa Pháp (1998), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;

3. Trường Đại học Luật Hà Nội, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “Hoà giải các tranh chấp dân sự - Thực trạng và giải pháp”, Hội thảo cấp khoa, Hà Nội ngày 23/10/2023;

4. Quyết định số 01/2019/QĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án thụ lý số 21/2017/TLPT-DS ngày 25/10/2017 về việc “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu” khi ở giai đoạn phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn rút yêu cầu phản tố và bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn đồng ý với việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn;

5. Bộ luật Tố tụng dân sự Nhật Bản năm 2011, nguồn truy cập: <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/en/laws/view/2834/en>, truy cập ngày 03/11/2023;

6. Lê Thị Thanh Xuân, *Bản về nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại cấp phúc thẩm theo khoản 1 Điều 299 BLTTDS năm 2015*, <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-nguyen-don-rut-don-khoi-kiem-tai-cap-phuc-tham-theo-khoan-1-dieu-299-bltttds-nam-2015>, truy cập ngày 04/11/2023.